

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-4-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Thanh Nhân;

ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Kim Nh, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện Ch, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: tổ 03, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* ông Lương Văn S, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện Ch, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/01/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim Nh trình bày: bà Nh và ông S chung sống với nhau vào năm 1989. Đến năm 2003, vợ chồng đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Long Kiến cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 20/6/2003 theo trích lục kết hôn số 41/TL-KH-BS ngày 13/01/2023.

Bắt đầu từ năm 1999, vợ chồng cùng nhau lên Bình Dương làm thuê. Quá trình chung sống tại Bình Dương, ông S có tình cảm với người phụ nữ khác rồi vời vĩnh tiền bạc với bà Nh, có lần bà Nh không chịu đưa tiền thì bị ông S chửi mắng. Tháng Chạp năm 2022 âm lịch đến nay, ông S tự ý về quê nhà tại xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang sinh sống. Riêng bà Nh vẫn tiếp tục

ở lại Bình Dương sống chung với các con và vợ chồng chính thức ly thân, không còn liên lạc, quan tâm lẫn nhau. Vì vậy, bà Nh yêu cầu ly hôn với ông S.

Vợ chồng có 03 đứa con chung đã thành niên và có khả năng lao động, họ và tên Lương Thị Trúc M, sinh ngày 15/01/1990, Lương Trường Gi, sinh ngày 22/9/1994, Lương Văn Hồ, sinh ngày 16/4/1997 lần lượt theo các giấy khai sinh số 97, Quyền số 1 ngày 24/6/2003, số 98, Quyền số 01 ngày 24/6/2003, số 99, Quyền số 01 ngày 24/6/2003 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến cấp bản sao; khi ly hôn, bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Bà Nh khai báo vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn do ông S sống không chung thủy với bà Nh và vợ chồng đã có thời gian ly thân, không còn quan tâm, hỏi thăm nhau; Quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà Nh có đơn khởi kiện đối với ông S về yêu cầu ly hôn. Ông S có địa chỉ cư trú tại ấp L, xã L, huyện Ch, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông S được xác lập tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ vợ chồng hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, bà Nh cho rằng ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi vùi vĩnh tiền bạc của bà Nh, làm cho vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không sống chung với nhau từ tháng Chạp năm 2002 âm lịch đến nay.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S vắng mặt không có lý do, không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nh, xem như ông S từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với vụ án đang được xem xét, giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm. Bên cạnh đó, Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi, tổ chức hòa giải vụ việc ly hôn, động viên vợ chồng hàn gắn nhưng bà Nh vẫn giữ nguyên ý kiến ly hôn, không chịu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với ông S.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà Nh yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ, do ông S vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, vợ chồng đã không còn tình nghĩa, bỏ mặc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nh việc ly hôn đối với ông S.

[5] Bà Nh và ông S có được 03 đứa con chung, họ và tên Lương Thị Trúc M, sinh ngày 15/01/1990, Lương Trường Gi, sinh ngày 22/9/1994, Lương Văn Hồ, sinh ngày 16/4/1997 đều đã thành niên và có khả năng lao động. Bên cạnh đó, bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản do không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nh phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Nh đối với bị đơn ông Lương Văn S về ly hôn.

1. Bà Nguyễn Thị Kim Nh được ly hôn với ông Lương Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2003, ngày đăng ký 20/6/2003 do Ủy ban nhân dân xã Long Kiến cấp cho bà Nh và ông S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013191 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Bà Nh có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Ông S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân